

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT PHAN ĐĂNG LƯU**

**NỘI DUNG ÔN TẬP
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: Toán học**

I. YÊU CẦU CHUNG

Thời gian làm bài: Khối 10, 11 và khối 12: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

II. NỘI DUNG

1. Hình thức đề kiểm tra cuối học kỳ 1:

a) Lớp 10 và Lớp 11:

Tự luận (mức độ: Nhận biết – Thông hiểu – Vận dụng)

b) Lớp 12 (trắc nghiệm 100%):

50 câu (mức độ: Nhận biết – Thông hiểu – Vận dụng – Vận dụng cao)

2. Giới hạn nội dung

2.1. Khối 10:

A. Đại số và một số yếu tố giải tích: Chương I, chương III.

B. Hình học và đo lường: Chương IV và chương V.

C. Phần thống kê và xác suất: Chương VI .

ĐỀ MINH HỌA THI CUỐI HỌC KỲ I – TOÁN 10

Câu 1.

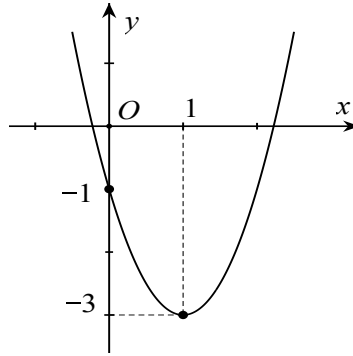
- a) Hãy quy tròn số 621730,54 đến hàng nghìn.
- b) Hãy quy tròn số 294,3743 đến hàng phần trăm.

Câu 2. Tìm số trung bình, tứ phân vị và một của mẫu số liệu: 5; 8; 7; 6; 9; 7; 8; 7; 6; 5; 7.

Câu 3. Tìm tập xác định của các hàm số: a) $y = \frac{x-3}{2x-5}$; b) $y = \sqrt{1-6x}$.

Câu 4. Vẽ đồ thị của hàm số $y = -x^2 + 2x + 2$.

Câu 5. Cho hàm số $y = ax^2 + bx + c$ có đồ thị như hình bên



a) Hàm số đã cho đồng biến, nghịch biến trên khoảng nào?

b) Tìm các hệ số a, b, c .

Câu 6. Cho hình chữ nhật $ABCD$ có $AB = 3a$, $AD = 4a$.

Tính độ dài $|\overrightarrow{BA} - \overrightarrow{BC}|$ và $|\overrightarrow{CA} + \overrightarrow{CB}|$.

Câu 7. Cho tam giác ABC đều cạnh bằng a và AH là đường cao. Tính các tích vô hướng $\overrightarrow{AB} \cdot \overrightarrow{AC}$ và $\overrightarrow{AC} \cdot \overrightarrow{HA}$.

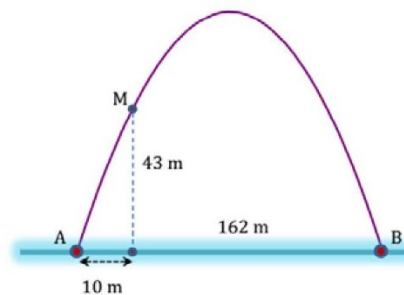
Câu 8. Cho tam giác ABC có trung tuyến AM . Gọi I là điểm trên đoạn AM sao cho $AI = \frac{1}{3} AM$ và K

là điểm trên đoạn AB sao cho $AK = \frac{1}{5} AB$.

a) Phân tích các vector $\overrightarrow{CI}$, $\overrightarrow{CK}$ theo các vector $\overrightarrow{CA}$ và $\overrightarrow{CB}$.

b) Chứng minh ba điểm C, I, K thẳng hàng.

Câu 9. Cổng Arch tại thành phố St Louis của Mỹ có hình dạng là một parabol. Biết khoảng cách giữa hai chân cổng bằng 162m. Trên thành cổng, tại vị trí có độ cao 43m so với mặt đất, người ta thả một sợi dây chạm đất. Vị trí chạm đất của đầu sợi dây này cách chân cổng A một đoạn 10m. Hãy tính độ cao của cổng Arch.



----- HẾT -----

2.2. Khối 11:

A. Đại số và một số yếu tố giải tích: Chương I, Chương II và chương III.

B. Hình học và đo lường: Chương IV

ĐỀ THAM KHẢO HK I TOÁN LỚP 11 NĂM HỌC 2023 -2024

Câu 1. (1 điểm) Giải phương trình $\sin 3x = \frac{1}{2}$

Câu 2. (1 điểm) Tìm số hạng đầu và công sai cấp số cộng (u_n) biết $\begin{cases} u_1 + 4u_4 = 20 \\ u_2 - 3u_3 = 5 \end{cases}$

Câu 3. (1 điểm) Tính giới hạn $\lim_{n \rightarrow \infty} \frac{4 \cdot 3^n - 2^n}{2 - 3^n}$

Câu 4. (1 điểm) Tính giới hạn $\lim_{x \rightarrow -\infty} \frac{\sqrt{x^2 - 3x + 5} - 2}{x - 1}$

Câu 5. (1 điểm) Xét tính liên tục hàm số $f(x) = \begin{cases} \frac{x^2 - 5x - 6}{x + 1} & (x \neq -1) \\ 2 & (x = -1) \end{cases}$ tại $x_0 = -1$.

Câu 6. (4 điểm) Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành tâm O . Gọi M, N , lần lượt là trung điểm SA, SB và K, I là trung điểm của BC, OM .

- Tìm giao tuyến hai mặt phẳng (SAB) và (SCD) ;
- Tìm giao điểm CM và (SBD) ;
- Chứng minh $(OMN) \parallel (SCD)$;
- Chứng minh: $KI \parallel (SCD)$.

Câu 7. (1 điểm) Tục truyền rằng nhà vua Ấn Độ cho phép người phát minh ra bàn cờ vua được lựa chọn phần thưởng tùy theo sở thích. Người đó xin nhà vua: "Bàn cờ có 64 ô, với ô thứ nhất thần xin nhận 1 hạt, ô thứ 2 thì gấp đôi ô đầu, ô thứ 3 thì lại gấp đôi ô thứ hai, ... cứ như vậy ô sau nhận số hạt thóc gấp đôi phần thưởng dành cho ô liền trước và thần xin nhận tổng số các hạt thóc ở 64 ô". Hỏi người đó sẽ nhận được một phần thưởng tương ứng nặng bao nhiêu? (Giả sử 100 hạt thóc nặng 20 gam).

2.3. Khối 12:

A. Giải tích: Chương I và chương II (*không* kiểm tra bài 6: Bất phương trình mũ và bất phương trình logarit).

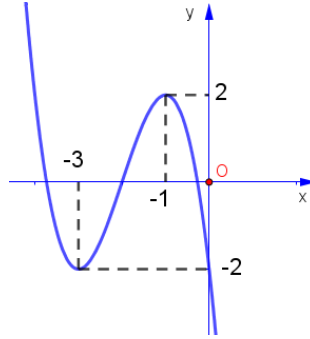
B. Hình học: Chương I và chương II (*không* kiểm tra bài 2: Mặt cầu).

ĐỀ MINH HỌA CUỐI KỲ 1 MÔN TOÁN 12

Câu 1. Hàm số $y = -x^3 + 12x + 5$ nghịch biến trên khoảng nào sau đây ?

- A. $(2; +\infty)$. B. $(-2; 2)$. C. $(-3; 0)$. D. $(-\infty; -1)$.

Câu 2. Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ bên dưới



Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng nào dưới đây ?

- A. $(-3; -1)$. B. $(-2; 2)$. C. $(-2; -1)$. D. $(-\infty; -3)$.

Câu 3. Cho hàm số $f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-1	1	$+\infty$	
$f'(x)$	$+$	0	$-$	0	$+$
$f(x)$	$-\infty$	4	0	$+\infty$	

Hàm số nghịch biến trên khoảng nào dưới đây?

- A. $(-1; 1)$. B. $(0; 2)$. C. $(0; 4)$. D. $(-\infty; -1)$.

Câu 4. Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm trên $\mathbb{R}$ và $f'(x) > 0 \quad \forall x \in (0; +\infty)$. Biết $f(1) = 2$. Khẳng định nào dưới đây có thể xảy ra?

- A. $f(-1) = 2$. B. $f(2) + f(3) = 4$.
C. $f(2) = 1$. D. $f(2017) > f(2018)$.

Câu 5. Có tất cả bao nhiêu giá trị nguyên của tham số m sao cho hàm số $y = \frac{(m+5)x + 2m^2 + 5m + 6}{x + 2m}$ nghịch biến trên khoảng $(4; +\infty)$?

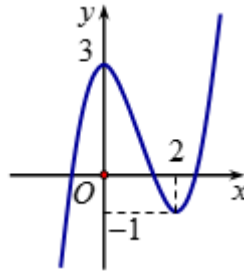
A. 4.

B. 5.

C. 3.

D. Vô số.

Câu 6. Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ. Mệnh đề nào dưới đây đúng?

A. Giá trị cực tiểu của hàm số bằng -1 .B. Điểm cực tiểu của hàm số là -1 .C. Điểm cực đại của hàm số là 3 .D. Giá trị cực đại của hàm số là 0 .

Câu 7. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu đạo hàm như sau

x	$-\infty$	-2	0	1	3	$+\infty$
$f'(x)$		$+$	0	$-$	0	$+$

Hàm số đã cho có bao nhiêu điểm cực trị?

A. 3.

B. 1.

C. 4.

D. 2.

Câu 8. Cho $y = f(x)$ là hàm số bậc ba và có bảng biến thiên như hình vẽ

x	$-\infty$	-2	2	$+\infty$			
$f'(x)$		$+$	0	$-$	0	$+$	
$f(x)$			1		-1		$+\infty$

Có bao nhiêu giá trị nguyên $m \in (-5; 5)$ để hàm số $g(x) = f(f(x) + m)$ có 4 điểm cực trị?

A. 6.

B. 7.

C. 8.

D. 5.

Câu 9. Tính của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $f(x) = -x^3 + 2x^2 - 1$ trên đoạn $[-1; 2]$ là

A. -2 .B. $-\frac{43}{27}$.C. $-\frac{5}{27}$.D. $-\frac{50}{27}$.

Câu 10. Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên nửa khoảng $\left[\frac{3}{2}; +\infty\right)$ và có bảng biến thiên dưới đây:

x	$\frac{3}{2}$		2		$+\infty$
y'		+	0	-	
y	$\frac{2}{7}$		$\frac{1}{3}$		0

Khẳng định nào sau đây đúng?

- A.** Hàm số có giá trị lớn nhất và không có giá trị nhỏ nhất.
B. Hàm số đạt giá trị nhỏ nhất khi $x = \frac{3}{2}$.
C. Hàm số có giá trị nhỏ nhất bằng 0 và giá trị lớn nhất bằng $\frac{1}{3}$.
D. Hàm số có giá trị nhỏ nhất bằng $\frac{2}{7}$ và giá trị lớn nhất bằng $\frac{1}{3}$.

Câu 11. Công ty xe khách Thiên Ân dự định tăng giá vé trên mỗi hành khách. Hiện tại giá vé là 50.000 VNĐ một khách và có 10.000 khách trong một tháng. Nhưng nếu tăng giá vé thêm 1.000 VNĐ một hành khách thì số khách sẽ giảm đi 50 người mỗi tháng. Hỏi công ty sẽ tăng giá vé là bao nhiêu đối với một khách để có lợi nhuận lớn nhất?

- A.** 75.000 VNĐ. **B.** 15.000 VNĐ. **C.** 35.000 VNĐ. **D.** 50.000 VNĐ.

Câu 12. Tìm các đường tiệm cận của đồ thị hàm số $y = \frac{\sqrt{9x^2 + 6x + 4}}{x + 2}$.

- A.** $y = -3$, $y = 3$ và $x = -2$. **B.** $x = -2$ và $y = -3$.
C. $y = 3$ và $x = 2$. **D.** $x = -2$ và $y = 3$.

Câu 13. Cho hàm số $f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-2		0		$+\infty$
$f'(x)$			+		-	
$f(x)$		$+\infty$		$-\infty$		0

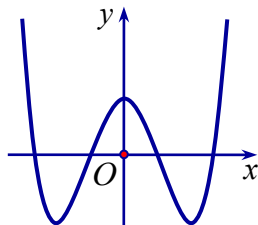
Tổng số tiệm cận đứng và tiệm cận ngang của đồ thị hàm số là

- A. 3. B. 0. C. 2. D. 1.

Câu 14. Có bao nhiêu giá trị nguyên của $m \in (-2019; 2019)$ để đồ thị hàm số $y = \frac{4036x+2}{\sqrt{mx^2+3}}$ có hai đường tiệm cận ngang?

- A. 0. B. 2018. C. 4036. D. 25.

Câu 15. Đường cong ở hình bên là đồ thị của hàm số nào sau đây?



- A. $y = x^4 - 3x^2 + 1$. B. $y = -x^4 + 3x^2 + 1$. C. $y = x^3 - 3x^2 + 1$. D. $y = x^2 - 3x + 1$.

Câu 16. Số giao điểm của đồ thị hàm số $y = \frac{x+5}{x-1}$ và đường thẳng $y = 2x$ là

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 0.

Câu 17. Số giao điểm của đồ thị hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 + x^2 + 2x + 2020$ với trục hoành là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 0.

Câu 18. Cho a là số thực dương. Biểu thức $a^2 \cdot \sqrt[3]{a}$ được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ hữu tỉ là

- A. $a^{\frac{7}{3}}$. B. $a^{\frac{5}{3}}$. C. $a^{\frac{2}{3}}$. D. $a^{\frac{4}{3}}$.

Câu 19. Cho biểu thức $P = \sqrt{x^3 \sqrt{x^2 \sqrt{x^3}}}$ với $x > 0$ Mệnh đề nào dưới đây đúng?

- A. $P = x^{\frac{23}{24}}$. B. $P = x^{\frac{12}{23}}$. C. $P = x^{\frac{1}{4}}$. D. $P = x^{\frac{23}{12}}$.

Câu 20. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào **sai**?

- A. $(\sqrt{3}-1)^{2018} > (\sqrt{3}-1)^{2017}$. B. $2^{\sqrt{2}+1} > 2^{\sqrt{3}}$.
C. $\left(1 - \frac{\sqrt{2}}{2}\right)^{2018} < \left(1 - \frac{\sqrt{2}}{2}\right)^{2017}$. D. $(\sqrt{2}-1)^{2017} > (\sqrt{2}-1)^{2018}$.

Câu 21. Hàm số $f(x) = (2x-1)^{\frac{1}{3}}$ có tập xác định là

A. $\left(\frac{1}{2}; +\infty\right)$. B. $\left[\frac{1}{2}; +\infty\right)$. C. $\left(\frac{1}{2}; 2\right)$. D. $\mathbb{R} \setminus \left\{\frac{1}{2}\right\}$.

Câu 22. Cho hàm số $y = \sqrt{x\sqrt{x\sqrt{x}}}$ xác định trên $(0; +\infty)$. Biết $y' = mx^n$. Giá trị $m + n$ là

A. $\frac{3}{4}$. B. $\frac{9}{4}$. C. $\frac{5}{8}$. D. $\frac{9}{8}$.

Câu 23. Số nghiệm của phương trình $20x^3(1-x)^3 = \frac{4}{25}$ trên khoảng $(0; 1)$ là

A. 2. B. 1. C. 6. D. 3.

Câu 24. Với a là số thực dương và $a \neq 1$, $\log_{\sqrt{a}}\left(\frac{a^2}{8}\right)$ bằng

A. $\frac{4\log_2 a - 6}{\log_2 a}$. B. $\frac{4\log_2 a + 6}{\log_2 a}$. C. $\frac{2\log_2 a - 3}{2\log_2 a}$. D. $\frac{2\log_2 a + 3}{2\log_2 a}$.

Câu 25. Với $0 < a \neq 1$. Biểu thức nào sau đây có giá trị dương?

A. $\log_2(\log_{\sqrt[4]{a}} a)$. B. $\log_a\left(\frac{1}{\sqrt[4]{a}}\right)$. C. $\log_a\left(\frac{1}{\log 10}\right)$. D. $\log_2(\log_{a^2} a)$.

Câu 26. Cho $a = \log_{12} 18, b = \log_{24} 54$. Tìm hệ thức độc lập giữa a và b .

A. $ab + 5(a - b) = 1$. B. $ab + 5(a - b) = -1$. C. $ab - 5(a - b) = 1$. D. $ab - 5(a - b) = -1$.

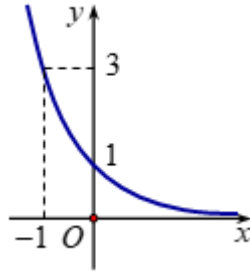
Câu 27. Tập xác định của hàm số $y = \log_3(x - 2)$ là

A. $(2; +\infty)$. B. $(3; +\infty)$. C. $(0; +\infty)$. D. $[2; +\infty)$.

Câu 28. Hàm số $y = f(x) = 2^x - 3\ln x + 4\sin x$ có đạo hàm

A. $f'(x) = 2^x \ln 2 - \frac{3}{x} + 4\cos x$. B. $f'(x) = 2^x \ln 2 - \frac{3}{x} - 4\cos x$.
C. $f'(x) = 2^x - \frac{3}{x} + 4\cos x$. D. $f'(x) = 2^x \ln 2 - 3x + 4\cos x$.

Câu 29. Đồ thị hình bên là của hàm số nào?



A. $y = \left(\frac{1}{3}\right)^x$.

B. $y = \left(\frac{1}{2}\right)^x$.

C. $y = (\sqrt{2})^x$.

D. $y = (\sqrt{3})^x$.

Câu 30. Ông A gửi số tiền 100 triệu đồng vào ngân hàng với lãi suất 7% trên năm, biết rằng nếu không rút tiền ra khỏi ngân hàng thì cứ sau mỗi năm số tiền lãi sẽ được nhập vào vốn ban đầu. Sau thời gian 10 năm nếu không rút lãi lần nào thì số tiền mà ông A nhận được tính cả gốc lẫn lãi là:

A. $10^8 \cdot (1 + 0,07)^{10}$.

B. $10^8 \cdot (1 + 0,7)^{10}$.

C. $10^8 \cdot (1 + 0,007)^{10}$.

D. $10^8 \cdot 0,07^{10}$.

Câu 31. Số nghiệm thực của phương trình $5^{x^2-3x-1} = 1$ là

A. 2.

B. 1.

C. 3.

D. 0.

Câu 32. Phương trình $5^{1-2x} = \frac{1}{125}$ có bao nhiêu nghiệm?

A. 1.

B. 0.

C. 2.

D. 3.

Câu 33. Tập nghiệm S của phương trình $\log_2(x+4) = 4$ là

A. $S = \{12\}$.

B. $S = \{4\}$.

C. $S = \{4, 8\}$.

D. $S = \{-4, 12\}$.

Câu 34. Phương trình $\log_{\frac{1}{2}}\left(x + \frac{1}{2}\right) - \log_2 x = 1$ có bao nhiêu nghiệm?

A. 0.

B. 1.

C. 2.

D. 3.

Câu 35. Cho khối chóp có thể tích $V = 36(\text{cm}^3)$ và diện tích mặt đáy $B = 6(\text{cm}^2)$. Chiều cao của khối chóp là

A. $h = 18(\text{cm})$.

B. $h = \frac{1}{2}(\text{cm})$.

C. $h = 6(\text{cm})$.

D. $h = 72(\text{cm})$.

Câu 36. Cho khối chóp $S.ABCD$ có đường cao SA và đáy $ABCD$ là hình thoi. Thể tích khối chóp đã cho được tính theo công thức nào sau đây?

A. $\frac{1}{3}SA.AC.BD$.

B. $\frac{1}{6}SA.AC.BD$.

C. $\frac{1}{2}SA.AB^2$.

D. $\frac{1}{3}SA.AB^2$.

Câu 37. Cho khối chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông tại B , $AB = a$ và $AC = a\sqrt{3}$. Biết $SA \perp (ABC)$ và $SB = a\sqrt{5}$. Tính theo a thể tích khối chóp $S.ABC$.

- A. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$. B. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$. C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{6}$. D. $\frac{a^3\sqrt{15}}{6}$.

Câu 38. Cho hình chóp $S.ABC$ có $SA = SB = SC$, tam giác ABC là tam giác vuông tại B , $AB = a$; $BC = a\sqrt{3}$, mặt bên (SBC) tạo với đáy góc 60° . Thể tích khối chóp $S.ABC$ là

- A. $\frac{a^3}{4}$. B. $\frac{a^3}{3}$. C. $\frac{2a^3}{3}$. D. $\frac{a^3}{6}$.

Câu 39. Cho hình chóp tam giác $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác đều cạnh a , $SA = 2a$, SA vuông góc $mp(ABC)$. Gọi M và N lần lượt là hình chiếu vuông góc của A trên các đường thẳng SB , SC . Tính $\frac{50V\sqrt{3}}{a^3}$, với V là thể tích khối chóp $ABCNM$.

- A. 9. B. 10. C. 11. D. 12.

Câu 40. Cho khối lăng trụ có thể tích V , diện tích đáy là B và chiều cao h . Tìm khẳng định đúng?

- A. $V = Bh$. B. $V = \frac{1}{3}Bh$. C. $V = \sqrt{Bh}$. D. $V = 3Bh$.

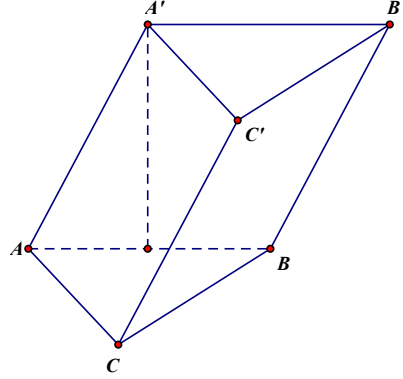
Câu 41. Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có $BA = a$, $BC = a\sqrt{2}$, $BA' = a\sqrt{5}$. Thể tích của khối hộp đã cho bằng

- A. $2a^3\sqrt{2}$. B. $\frac{2a^3\sqrt{2}}{3}$. C. $a^3\sqrt{10}$. D. $a^3\sqrt{2}$.

Câu 42. Tính thể tích khối lăng trụ tam giác đều $ABC.A'B'C'$ biết tất cả các cạnh của lăng trụ đều bằng a .

- A. $\frac{\sqrt{3}a^3}{4}$. B. $\frac{\sqrt{3}a^3}{12}$. C. $\frac{a^3}{3}$. D. a^3 .

Câu 43. Cho lăng trụ tam giác $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác đều cạnh a . Hình chiếu vuông góc của A' trên mặt phẳng (ABC) là trung điểm của AB . Nếu AC' vuông góc với $A'B$ thì thể tích V của khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ là



A. $V = \frac{a^3 \sqrt{6}}{8}$.

B. $V = \frac{a^3 \sqrt{6}}{4}$.

C. $V = \frac{a^3 \sqrt{6}}{2}$.

D. $V = \frac{a^3 \sqrt{6}}{24}$.

Câu 44. Diện tích xung quanh của hình nón có độ dài đường sinh l và đường kính đáy r bằng

A. $\pi r l$.

B. $\frac{\pi r l}{2}$.

C. $\frac{1}{3} \pi r l$.

D. $2\pi r l$.

Câu 45. Cho hình nón đỉnh S có chiều cao $h = a$ và bán kính đáy $r = 2a$. Mặt phẳng (P) đi qua S và cắt đường tròn đáy tại A, B sao cho $AB = 2\sqrt{3}a$. Tính góc tạo bởi mặt phẳng (P) và mặt đáy của hình nón.

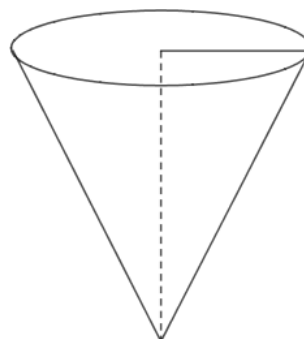
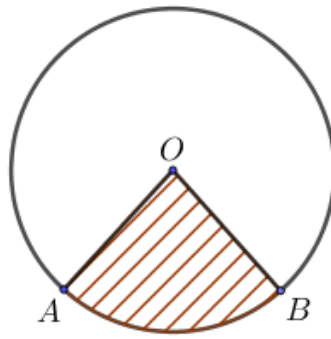
A. 45° .

B. 60° .

C. 30° .

D. 90° .

Câu 46. Bạn Hoàn có một tấm bìa hình tròn như hình vẽ, Hoàn muốn biến hình tròn đó thành một hình cái phễu hình nón. Khi đó Hoàn phải cắt bỏ hình quạt tròn AOB rồi dán hai bán kính OA và OB lại với nhau (diện tích chỗ dán nhỏ không đáng kể). Gọi x là góc ở tâm hình quạt tròn dùng làm phễu. Tìm x để thể tích phễu lớn nhất?



A. $\frac{2\sqrt{6}}{3} \pi$.

B. $\frac{\pi}{2}$.

C. $\frac{\pi}{4}$.

D. $\frac{\pi}{3}$.

Câu 47. Gọi l , h , R lần lượt là độ dài đường sinh, chiều cao và bán kính đáy của hình trụ. Đẳng thức luôn đúng là

A. $l = h$.

B. $R = h$.

C. $l^2 = h^2 + R^2$.

D. $R^2 = h^2 + l^2$.

Câu 48. Cho hình trụ có độ dài đường sinh l và bán kính r . Nếu độ dài đường sinh khối trụ tăng lên 3 lần, diện tích đáy không đổi thì thể tích của khối trụ sẽ tăng lên bao nhiêu lần?

- A. 3 lần. B. $\frac{1}{3}$ lần. C. 9 lần. D. 27 lần.

Câu 49. Hình trụ có hai đường tròn đáy ngoại tiếp hai mặt của một hình lập phương cạnh a thì có diện tích xung quanh bằng bao nhiêu?

- A. $\sqrt{2}\pi a^2$. B. $2\sqrt{2}\pi a^2$. C. πa^2 . D. $2\pi a^2$.

Câu 50. Cho khối trụ có đường sinh bằng 5 và thể tích bằng 45π . Diện tích toàn phần của khối trụ là

- A. 48π . B. 12π . C. 36π . D. 24π .

Bình Thạnh, ngày 04 tháng 12 năm 2023

Duyệt của BGH

Tổ toán

Mai Thị Ngọc Nhung

----- Hết -----